

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2021/DS-ST

Ngày: 31/5/2021

V/ v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Giang**.

2/ Ông **Nguyễn Quốc Thuần**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2020/TLST-DS ngày 24/11/2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-DS ngày 26/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng N**.

Trụ sở: Số 02, L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn A- Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoài X- Giám đốc chi nhánh huyện C (có mặt).

Ông Nguyễn Hoàng Y- Trưởng phòng tín dụng- chi nhánh huyện C được Ông Trần Hoài X ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 94/NHN<sub>0</sub>.CG-TH ngày 22/3/2021 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 84, ô 2, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn M**, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện, Bản khai và tại phiên Tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N trình bày:

- Ngày 19/10/2018, anh Lê Văn M có ký kết Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201804650 với Ngân hàng N- chi nhánh huyện C vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 12%/năm (Mức lãi

suất cho vay thỏa thuận thay đổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay theo quy định trong từng thời kỳ), mục đích vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp, phương thức trả nợ trừ lương hàng tháng, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 2.080.000 đồng và lãi phát sinh.

Sau khi vay, tính đến ngày 20/8/2019, anh M đã trả được 20.800.000 đồng tiền nợ gốc, 14.375.731 đồng tiền lãi suất rồi ngưng không thanh toán cho Ngân hàng nữa dù Ngân hàng làm việc nhiều lần, nhắc nhở và tạo điều kiện cho anh M thanh toán nhưng anh vẫn không có thiện chí trả nợ. Như vậy anh M còn nợ Ngân hàng 129.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh, tạm tính đến ngày 31/5/2021 là 33.439.000 đồng.

- Ngoài ra, ngày 14/01/2019, anh Lê Văn M tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201900284 với Ngân hàng N- chi nhánh huyện C với hạn mức cho vay 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 11%/ năm (Mức lãi suất cho vay thỏa thuận thay đổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay theo quy định trong từng thời kỳ), mục đích thấu chi tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp.

Sau khi vay, anh M đã giao dịch rút tiền tài khoản thấu chi và phát sinh lãi thấu chi, phí giao dịch, tính đến ngày 18/01/2020 anh M đã trả được 24.771.685 đồng tiền gốc và 2.758.000 đồng, còn nợ lại 25.228.300 đồng tiền gốc và 10.660.300 đồng tiền lãi. Tổng cộng tạm tính đến 31/5/2021 là 35.888.600 đồng.

Do đó Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn M trả số tiền vốn gốc là 129.200.000 đồng, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201804650 ngày 19/10/2018, tạm tính đến ngày 31/5/2021 là 33.439.000 đồng. Tổng cộng tạm tính là 162.639.000 đồng. Yêu cầu anh M tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Yêu cầu anh Lê Văn M trả số tiền vốn gốc là 25.228.315 đồng và 10.660.300 đồng tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201900284 ngày 14/01/2019. Tổng cộng tạm tính đến 31/5/2021 là 35.888.700 đồng. Yêu cầu anh M tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết số nợ.

\* Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng anh Lê Văn M không nộp bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh M cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N yêu cầu anh Lê Văn M trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201804650 ngày 19/10/2018 và Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201900284 ngày 14/01/2019. Do

đó, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Quá trình tố tụng, Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng anh Lê Văn M không nộp bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng tại phiên toà hôm nay, anh cũng vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Toà án xét xử vắng mặt anh M theo quy định.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201804650 ngày 19/10/2018 của Ngân hàng N- chi nhánh huyện C thể hiện anh Lê Văn M có vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 12%/năm (Mức lãi suất cho vay thỏa thuận thay đổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ), mục đích vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp, phương thức trả nợ trừ lương hàng tháng, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 2.080.000 đồng và lãi phát sinh. Sau khi vay, tính đến ngày 18/01/2020, anh M đã trả được 20.800.000 đồng tiền nợ gốc, 14.375.731 đồng tiền nợ lãi rồi ngưng không thanh toán cho Ngân hàng nữa. Anh M còn nợ 129.200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh, tạm tính đến 31/5/2021 là 33.439.000 đồng. Tổng cộng tạm tính đến 31/5/2021 là 162.639.000 đồng.

Theo Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201900284 ngày 14/01/2019 của Ngân hàng N- chi nhánh huyện C thể hiện anh Lê văn M có vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 11%/năm (Mức lãi suất cho vay thỏa thuận thay đổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ), mục đích vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp, phương thức trả nợ là trả số tiền đã sử dụng vào tài khoản và lãi phát sinh (hình thức vay thấu chi). Sau khi vay, anh M đã giao dịch rút tiền tài khoản thấu chi và phát sinh lãi thấu chi, phí giao dịch, tính đến ngày 18/01/2020 anh M đã trả được 24.771.685 đồng tiền gốc và 2.758.000 đồng, còn nợ lại 25.228.315 đồng tiền gốc và 10.660.300 đồng tiền lãi. Tổng cộng tạm tính đến 31/5/2021 là 35.888.700 đồng.

Quá trình tố tụng, Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng anh Lê Văn M không nộp bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, xem như anh không phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó việc Ngân hàng N yêu cầu anh Lê Văn M trả các khoản nợ trên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về Điều luật áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470,

Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lê Văn M chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201804650 ngày 19/10/2018:

Buộc anh Lê Văn M trả cho Ngân hàng N số tiền 129.200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh, tạm tính đến 31/5/2021 là 33.439.000 đồng. Tổng cộng tạm tính đến 31/5/2021 là 162.639.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Anh Lê Văn M còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201804650 ngày 19/10/2018 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201900284 ngày 14/01/2019:

Buộc anh Lê Văn M trả cho Ngân hàng N số tiền 25.228.315 đồng tiền gốc và 10.660.300 đồng tiền lãi. Tổng cộng tạm tính đến 31/5/2021 là 35.888.700 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Anh Lê Văn M còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6904-LAV-201900284 ngày 14/01/2019 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Về án phí: Anh Lê Văn M phải nộp 9.926.500 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 4.541.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi một ngàn đồng) theo biên lai số 0004429 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Ngân hàng N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lê Văn M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân huyện Chợ Gạo.
- Chi cục THA dân sự huyện Chợ Gạo.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Ngọc Hạnh**